



Số/No.: 089.25/PAN-CV

Hà Nội, ngày 24 tháng 10 năm 2025
Hanoi, October 24th, 2025

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ
PERIODIC DISCLOSURE OF INFORMATION

Kính gửi/ To: Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM/ *Hochiminh Stock Exchange*

- Tên tổ chức / Organization name: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN PAN**
 - Mã chứng khoán/ *Stock code:* PAN
 - Địa chỉ/ *Address:* 81B, Quốc lộ 62, Phường Long An, Tỉnh Tây Ninh
 - Điện thoại/ *Telephone:* 024 3760 6190 Email: info@thepangroup.vn
- Nội dung thông tin công bố/ Content of disclosure:**

Công ty cổ phần Tập đoàn PAN công bố các thông tin sau:

The PAN Group Joint Stock Company discloses the following information:

- Báo cáo tài chính Riêng và Báo cáo tài chính Hợp nhất Quý 3 năm 2025.
Q3 2025 Separate & Consolidated Financial Statement.
- Giải trình chênh lệch lợi nhuận sau thuế so với cùng kỳ được trình bày trong phần Thuyết minh Báo cáo tài chính Riêng và Báo cáo tài chính Hợp nhất Q3/2025.
Explanation of the difference in profit after tax in comparison with the same period - presented in the notes to the Q3 2025 Separate Financial Statements and Consolidated Financial Statements.

Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 24/10/2025 tại đường dẫn: <http://www.thepangroup.vn>, chuyên mục Quan hệ Nhà đầu tư/Công bố thông tin.

This information was disclosed on the company's website on date October 24th, 2025. Available at: <http://www.thepangroup.vn>, tab Investor Relation/Information Disclosure.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./.

We hereby certify that the information provided is true and correct and we bear the full responsibility to the law./.

Tài liệu đính kèm:

Báo cáo tài chính Riêng và Báo cáo tài chính Hợp nhất Quý III năm 2025.

Giải trình chênh lệch lợi nhuận sau thuế so với cùng kỳ (trong phần Thuyết minh BCTC Riêng và BCTC Hợp nhất Q3/2025)

TM. CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN PAN
NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CBTT
GIÁM ĐỐC TÀI CHÍNH

Nguyễn Anh Tuấn

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
(CHƯA ĐƯỢC KIỂM TOÁN)
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN PAN

Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2025

S. D. N.

jad

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN PAN

81B, quốc lộ 62, phường Long An, tỉnh Tây Ninh, Việt Nam

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
Thông tin chung	1
Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ	2-3
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	4
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	5-6
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	7-33

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN PAN

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 0301472704 do Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 31 tháng 8 năm 2005 và theo các GCNĐKKD điều chỉnh.

Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("SGDCKHCM") theo Giấy phép số 244/2010/QĐ-SGDHCM do SGDCKHCM cấp ngày 18 tháng 11 năm 2010.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là hoạt động nông nghiệp, thực phẩm và các hoạt động khác có liên quan, thực hiện các hoạt động đầu tư tài chính và các dịch vụ liên quan khác.

Công ty có trụ sở đăng ký tại 81B, quốc lộ 62, phường Long An, tỉnh Tây Ninh, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty còn có Chi nhánh tại tầng 15, tòa nhà ICON4, 243A Đê La Thành, phường Láng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Duy Hưng	Chủ tịch
Bà Nguyễn Thị Trà My	Phó chủ tịch
Bà Hà Thị Thanh Vân	Thành viên
Ông Phạm Viết Muôn	Thành viên
Bà Nguyễn Vũ Thùy Hương	Thành viên
Ông Nguyễn Duy Khánh	Thành viên
Ông Bùi Xuân Tùng	Thành viên

ỦY BAN KIỂM TOÁN

Các thành viên ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Phạm Viết Muôn	Trưởng ban
Bà Nguyễn Vũ Thùy Hương	Thành viên
Bà Hà Thị Thanh Vân	Thành viên

BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Nguyễn Thị Trà My	Tổng Giám đốc
----------------------	---------------

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Ông Nguyễn Duy Hưng – Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

Bà Nguyễn Thị Trà My được Ông Nguyễn Duy Hưng ủy quyền ký báo cáo tài chính riêng cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2025.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (CHƯA KIỂM TOÁN)

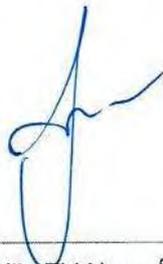
Tại ngày 30 tháng 9 năm 2025

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 9 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
VND					
A	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		524.676.006.168	5.976.678.627.107
<i>I</i>	<i>Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	110	4	478.963.794.142	17.819.753.726
1	Tiền	111		446.758.794.142	17.819.753.726
2	Tương đương tiền	112		32.205.000.000	-
<i>II</i>	<i>Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</i>	120	5	6.000.000.000	5.928.205.000.000
1	Chứng khoán kinh doanh	121		-	5.890.000.000.000
2	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		6.000.000.000	38.205.000.000
<i>III</i>	<i>Các khoản phải thu ngắn hạn</i>	130		35.770.431.766	26.502.259.267
1	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	12.963.889.900	17.740.807.833
2	Trả trước cho người bán	132		432.861.624	607.225.444
3	Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	7	33.000.000.000	15.000.000.000
4	Phải thu ngắn hạn khác	136	8	2.337.570.142	10.895.033.823
5	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	6	(12.963.889.900)	(17.740.807.833)
<i>V</i>	<i>Tài sản ngắn hạn khác</i>	150		3.941.780.260	4.151.614.114
1	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	9	412.490.217	622.484.071
2	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		290.253.991	290.093.991
3	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	17	3.239.036.052	3.239.036.052
B	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		5.301.320.461.008	4.854.997.020.619
<i>I</i>	<i>Các khoản phải thu dài hạn</i>	210	8	10.000.000	10.000.000
1	Phải thu dài hạn khác	216		10.000.000	10.000.000
<i>II</i>	<i>Tài sản cố định</i>	220	11	8.332.268.415	9.288.992.615
1	Tài sản cố định hữu hình	221		8.332.268.415	9.288.992.615
	Nguyên giá	222		13.343.113.040	13.343.113.040
	Giá trị khấu hao lũy kế	223		(5.010.844.625)	(4.054.120.425)
<i>III</i>	<i>Đầu tư tài chính dài hạn</i>	250		5.285.783.147.002	4.845.503.965.942
1	Đầu tư vào công ty con	251	12	5.313.533.971.570	4.870.143.787.088
2	Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(27.750.824.568)	(24.639.821.146)
<i>IV</i>	<i>Tài sản dài hạn khác</i>	260		7.195.045.591	194.062.062
1	Chi phí trả trước dài hạn	261	10	7.195.045.591	194.062.062
TỔNG CỘNG TÀI SẢN		270		5.825.996.467.176	10.831.675.647.726

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (CHƯA KIỂM TOÁN) (tiếp)

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2025 (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	VND	
			Ngày 30 tháng 9 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
C NỢ PHẢI TRẢ	300		2.816.557.115.468	7.754.218.796.035
I Nợ ngắn hạn	310		2.317.576.895.468	7.556.625.916.035
1 Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	443.644.581	205.783.960
2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		208.308.899	208.308.899
3 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17	881.839.040	10.816.449.061
4 Phải trả người lao động	314		8.196.000	8.400.000
5 Chi phí phải trả ngắn hạn	315	14	28.066.051.478	6.263.247.525
6 Phải trả ngắn hạn khác	319	15	128.389.329.269	970.779.192.245
7 Vay ngắn hạn	320	16	2.144.072.880.000	6.554.958.220.000
8 Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		9.769.755.760	9.769.755.760
9 Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		5.736.890.441	3.616.558.585
II Nợ dài hạn	330		498.980.220.000	197.592.880.000
1 Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	16	498.980.220.000	197.592.880.000
D VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		3.009.439.351.708	3.077.456.851.691
I Vốn chủ sở hữu	410	18	3.009.439.351.708	3.077.456.851.691
1 Vốn góp của chủ sở hữu	411		2.162.945.800.000	2.162.945.800.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		2.162.945.800.000	2.162.945.800.000
2 Thặng dư vốn cổ phần	412		904.770.143.351	904.770.143.351
3 Cổ phiếu quỹ	415		(167.188.836.328)	(167.188.836.328)
4 Quỹ đầu tư phát triển	418		11.513.798.268	11.513.798.268
5 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		97.398.446.417	165.415.946.400
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		55.968.571.400	111.208.566.529
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		41.429.875.017	54.207.379.871
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		5.825.996.467.176	10.831.675.647.726


Trần Thị Trang
Người lập biểu

Văn Thị Ngọc Ánh
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Trà My
Tổng Giám đốc

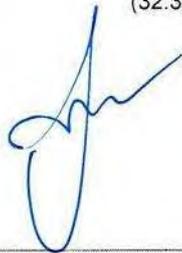
Ngày 24 tháng 10 năm 2025

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (CHƯA KIỂM TOÁN)

Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2025

VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ báo cáo		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ báo cáo	
			Quý 3/2025	Quý 3/2024	Năm 2025	Năm 2024
1 Doanh thu hoạt động tài chính	21	19	36.383.029.616	144.483.850.098	316.651.342.501	371.438.915.243
2 Chi phí tài chính	22	20	(66.600.118.516)	(99.158.780.490)	(258.486.443.737)	(254.989.175.324)
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		(56.914.072.219)	(100.542.651.252)	(222.786.550.590)	(251.895.915.289)
3 Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	21	(2.104.689.245)	(6.286.929.951)	(16.735.364.437)	(21.805.116.381)
4 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(32.321.778.145)	39.038.139.657	41.429.534.327	94.644.623.538
5 Thu nhập khác	31		-	273.308	340.690	2.033.855
6 Lợi nhuận khác	40		-	273.308	340.690	2.033.855
7 Tổng lợi nhuận trước thuế	50		(32.321.778.145)	39.038.412.965	41.429.875.017	94.646.657.393
8 Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	23	-	-	-	-
9 Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		(32.321.778.145)	39.038.412.965	41.429.875.017	94.646.657.393


Trần Thị Trang
Người lập biểu

Văn Thị Ngọc Ánh
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Trà My
Tổng Giám đốc

Ngày 24 tháng 10 năm 2025

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN (CHƯA KIỂM TOÁN)

Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2025

VND

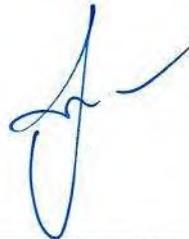
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2025	Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2024
I LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		41.429.875.017	94.646.657.393
<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>				
1 Khấu hao tài sản cố định	02	11	956.724.200	978.926.805
2 Dự phòng	03	22	(1.665.914.511)	(5.022.691.838)
3 Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái	04	22	4.078.990.499	120.000.000
4 Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(284.497.444.867)	(343.438.653.103)
5 Chi phí lãi vay	06	23	222.786.550.590	251.895.915.289
Lãi (lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(16.911.219.072)	(819.845.454)
1 Giảm (tăng) các khoản phải thu	09		8.823.435.147	44.982.173.816
2 Giảm các khoản phải trả	11		(866.928.317.325)	(105.355.682.614)
3 (Giảm) tăng chi phí trả trước	12		(6.790.989.675)	166.797.693
4 Giảm (tăng) chứng khoán kinh doanh	13		5.890.000.000.000	(3.900.000.000.000)
5 Tiền lãi vay đã trả	14		(189.167.793.887)	(236.655.757.247)
6 Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(1.879.668.144)	(4.193.860.573)
Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động kinh doanh	20		4.817.145.447.044	(4.201.876.174.379)
II LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1 Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(18.000.000.000)	(70.000.000.000)
2 Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24		32.205.000.000	85.000.000.000
3 Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(443.390.184.482)	-
4 Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		293.260.196.580	313.137.126.413
Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động đầu tư	30		(135.924.987.902)	328.137.126.413

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN (CHƯA KIỂM TOÁN) (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2025 (tiếp theo)

VND

CHỈ TIÊU	Mã	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2025	Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2024
III LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1 Tiền thu từ đi vay	33		4.591.890.000.000	10.644.200.000.000
2 Tiền trả nợ gốc vay	34		(8.701.388.000.000)	(6.837.624.657.534)
3 Cổ tức đã trả	36		(106.500.817.300)	-
Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động tài chính	40		(4.215.998.817.300)	3.806.575.342.466
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		465.221.641.842	(67.163.705.500)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		17.819.753.726	80.413.241.897
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái	61		(4.077.601.426)	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	4	<u>478.963.794.142</u>	<u>13.249.536.397</u>


Trần Thị Trang
Người lập biểu

Văn Thị Ngọc Ánh
Kế toán trưởngNguyễn Thị Trà My
Tổng Giám đốc

Ngày 24 tháng 10 năm 2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (CHƯA KIỂM TOÁN)

vào ngày 30 tháng 9 năm 2025 và cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc cùng ngày

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

1 THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN ("Công ty") được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 0301472704 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 31 tháng 8 năm 2005 và theo các Giấy Chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh, với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 24 ngày 02 tháng 10 năm 2025.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết và giao dịch chính thức trên Sàn Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) với mã chứng khoán là PAN từ ngày 18 tháng 11 năm 2010.

Công ty có trụ sở đăng ký tại 81B, quốc lộ 62, phường Long An, tỉnh Tây Ninh, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty còn có Chi nhánh tại tầng 15, tòa nhà ICON4, 243A Đê La Thành, phường Láng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 9 năm 2025 là 20 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 19 người).

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là thực hiện các hoạt động đầu tư tài chính và các dịch vụ liên quan khác.

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (CHƯA KIỂM TOÁN) (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2025 và cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc cùng ngày

Cấu trúc doanh nghiệp

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty tại ngày 30 tháng 9 năm 2025 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 như sau:

Các công ty con sở hữu trực tiếp

STT	Tên công ty con	Trụ sở chính	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ		Hoạt động chính
			Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết	
1	Công ty Cổ phần PAN Farm (i)	Thành phố Hà Nội	98,55%	98,55%	88,15%	88,15%	Thực hiện trồng trọt và chăn nuôi hỗn hợp
2	Công ty Cổ phần Thực phẩm PAN	Tây Ninh	99,99%	99,99%	99,99%	99,99%	Nuôi trồng, chế biến và kinh doanh nông lâm thủy hải sản; kinh doanh thực phẩm và các hoạt động tư vấn đầu tư
	Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta (ii)	Thành phố Cần Thơ	47,21%	50,12%	47,21%	50,12%	Nuôi trồng, chế biến, bảo quản thủy sản; mua bán lương thực, thực phẩm, nông sản sơ chế và sản xuất, xuất khẩu tiêu thụ hàng nông sản
4	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Bến Tre (iii)	Vĩnh Long	76,47%	76,47%	76,47%	76,47%	Nuôi trồng, chế biến và xuất khẩu thủy sản

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (CHƯA KIỂM TOÁN) (tiếp theo)
 vào ngày 30 tháng 9 năm 2025 và cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc cùng ngày

STT	Tên công ty con	Trụ sở chính	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ		Hoạt động chính
			Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết	
5	Công ty Cổ phần Thủy sản 584 Nha Trang (iv)	Khánh Hòa	73,45%	73,45%	73,45%	73,45%	Dịch vụ kiểm nghiệm chất lượng sản phẩm thủy sản; chế biến và bảo quản thủy sản đông lạnh, thủy sản khô và nước nắm; bán buôn xăng dầu, dầu nhớt, khí đốt hóa lỏng và các sản phẩm liên quan; khách sạn, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn hạn
3	Công ty Cổ phần Bibica (v)	TP Hồ Chí Minh	98,30%	98,30%	98,30%	98,30%	Sản xuất, mua bán các sản phẩm đường, bánh, kẹo, nha, rượu (thức uống có cồn), bột dinh dưỡng, sữa và các sản phẩm từ sữa, sữa đậu nành, nước giải khát, bột giải khát (không sản xuất tại trụ sở Công ty).
7	Công ty Cổ phần Cà phê Golden Beans	TP Hồ Chí Minh	79,59%	79,59%	79,59%	79,59%	Bán buôn thực phẩm, nông lâm sản, và trồng cây cà phê
8	Công ty Cổ phần Chế biến Hàng xuất khẩu Long An	Tây Ninh	77,88%	77,88%	77,88%	77,88%	Sản xuất, chế biến, kinh doanh xuất nhập khẩu và dịch vụ trong ngành hàng nông sản, thủy sản

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (CHƯA KIỂM TOÁN) (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2025 và cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc cùng ngày

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2025, một số công ty con sở hữu trực tiếp bởi Công ty cũng sở hữu các công ty con, công ty liên doanh với thông tin cụ thể như sau:

(i) Công ty Cổ phần PAN Farm

STT	Tên công ty con	Trụ sở chính	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ		Hoạt động chính
			Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết	
1	Công ty Cổ phần PAN-HULIC	Lâm Đồng	50,97%	50,97%	50,97%	50,97%	Sản xuất và kinh doanh rau, hoa quả và các sản phẩm nông nghiệp khác
2	Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam (i.1)	Thành phố Hà Nội	80,11%	80,11%	80,11%	80,11%	Trồng trọt, kinh doanh, xuất nhập khẩu trực tiếp giống cây trồng và vật tư phục vụ cây trồng; gia công, chế biến, đóng gói bảo quản giống cây trồng và vật tư phục vụ cây trồng
3	Công ty Cổ phần Khử trùng Việt Nam (i.2)	Thành phố Hồ Chí Minh	51,25%	51,25%	51,25%	51,25%	Sản xuất, chế biến, kinh doanh các sản phẩm từ thuốc khử trùng, nông dược; cung cấp dịch vụ liên quan đến khử trùng và dịch vụ cho thuê văn phòng
4	Công ty Cổ phần Atani Holdings (i.3)	Thành phố Hà Nội	67,74%	67,74%	67,74%	67,74%	Nghiên cứu, phát triển công nghệ sinh học, nghiên cứu phát triển công nghệ lên men quy mô công nghiệp

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (CHƯA KIỂM TOÁN) (tiếp theo)

vào ngày 30 tháng 9 năm 2025 và cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc cùng ngày

(i.1) Tại ngày 30 tháng 9 năm 2025, Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam - công ty con sở hữu trực tiếp bởi Công ty Cổ phần PAN Farm cũng sở hữu các công ty con với thông tin cụ thể như sau:

STT	Tên công ty con	Trụ sở chính	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ		Hoạt động chính
			Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết	
1	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Vinaseed Hà Nội	Thành phố Hà Nội	53,80%	53,80%	53,80%	53,80%	Sản xuất, kinh doanh các loại giống cây trồng và cung cấp dịch vụ kho vận
2	Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương Quảng Nam	Thành phố Đà Nẵng	90,02%	90,02%	90,02%	90,02%	Nghiên cứu, sản xuất kinh doanh và xuất khẩu các loại giống cây trồng nông lâm nghiệp, vật tư phục vụ nông nghiệp, chế biến kinh doanh nông sản, đại lý bán buôn bán lẻ
3	Công ty Cổ phần Giống cây trồng Miền Nam (*)	Thành phố Hồ Chí Minh	96,41%	96,41%	96,41%	96,41%	Nghiên cứu, sản xuất, kinh doanh, và xuất nhập khẩu giống cây trồng các loại
4	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Nông nghiệp Công nghệ cao Hà Nam	Ninh Bình	94,00%	94,00%	94,00%	94,00%	Sản xuất, kinh doanh các loại dưa và rau quả nông sản cao cấp phục vụ nội tiêu và xuất khẩu; nghiên cứu ứng dụng, đào tạo, chuyển giao dịch vụ kỹ thuật nông nghiệp công nghệ cao
5	Công ty TNHH Lúa gạo Việt Nam (**)	Đồng Tháp	98,92%	100,00%	98,92%	100,00%	Sản xuất, kinh doanh giống cây trồng, chế biến kinh doanh hạt giống và nông sản

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (CHƯA KIỂM TOÁN) (tiếp theo)

vào ngày 30 tháng 9 năm 2025 và cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc cùng ngày

- (*) Tại ngày 30 tháng 9 năm 2025, Công ty Cổ phần Giống cây trồng Miền Nam - công ty con sở hữu trực tiếp bởi Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam cũng sở hữu công ty con trực tiếp với thông tin cụ thể như sau:

STT	Tên công ty con	Trụ sở chính	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ		Hoạt động chính
			Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết	
1	Công ty Cổ phần Cơ khí Giống cây trồng Miền Nam	Thành phố Hồ Chí Minh	83,74%	83,74%	83,74%	83,74%	Sản xuất máy nông nghiệp, lâm nghiệp; máy chế biến thực phẩm, đồ uống; sửa chữa, bảo dưỡng và lắp đặt máy móc thiết bị

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2025, Công ty Cổ phần Cơ khí Giống cây trồng Miền Nam đã ngừng hoạt động và đang trong quá trình hoàn tất các thủ tục phá sản doanh nghiệp theo quy định hiện hành.

- (**) Tỷ lệ biểu quyết của Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam trong Công ty TNHH Lúa gạo Việt Nam bao gồm tỷ lệ biểu quyết trực tiếp 70% và tỷ lệ biểu quyết gián tiếp 30% thông qua Công ty Cổ phần Giống cây trồng Miền Nam.

Công ty TNHH Lúa gạo Việt Nam cũng sở hữu công ty con với thông tin cụ thể như sau:

STT	Tên công ty con	Trụ sở chính	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ		Hoạt động chính
			Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết	
1	Công ty TNHH Đầu tư và Xuất nhập khẩu Nông sản Việt Nam	Đồng Tháp	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác và bột mỳ

- (i.2) Tại ngày 30 tháng 9 năm 2025, Công ty Cổ phần Khử trùng Việt Nam - công ty con sở hữu trực tiếp bởi Công ty Cổ phần PAN Farm sở hữu công ty con với thông tin cụ thể như sau:

STT	Tên công ty liên doanh	Trụ sở chính	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ		Hoạt động chính
			Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết	
1	Công ty TNHH Hải Yến	Khánh Hòa	66,67%	66,67%	(*)	(*)	Cung cấp dịch vụ khách sạn, nhà hàng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (CHƯA KIỂM TOÁN) (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2025 và cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc cùng ngày

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2025, Công ty Cổ phần Atani Holdings - công ty con sở hữu trực tiếp bởi Công ty Cổ phần PAN Farm cũng sở hữu công ty con trực tiếp với thông tin cụ thể như sau:

STT	Tên công ty con	Trụ sở chính	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ		Hoạt động chính
			Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết	
1	Công ty Cổ phần Công nghệ Sinh học Mùa Xuân (*)	Thành phố Hà Nội	99,96%	99,96%	99,96%	99,96%	Nghiên cứu và phát triển công nghệ sinh học

(ii) **Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta**

Tỷ lệ biểu quyết của Công ty trong Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta bao gồm tỷ lệ biểu quyết trực tiếp 37,75% và tỷ lệ biểu quyết gián tiếp 12,37% thông qua Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Bến Tre.

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2025, Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta - công ty con sở hữu trực tiếp bởi Công ty cũng sở hữu công ty con trực tiếp với thông tin cụ thể như sau:

STT	Tên công ty con	Trụ sở chính	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ		Hoạt động chính
			Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết	
1	Công ty Cổ phần Thực phẩm Khang An (ii.1)	Thành phố Cần Thơ	51,54%	51,54%	51,54%	51,54%	Chế biến, bảo quản thủy sản; mua bán lương thực, thực phẩm, nông sản sơ chế và sản xuất, xuất khẩu tiêu thụ hàng nông sản

2	Công ty TNHH Vĩnh Thuận	Thành phố Cần Thơ	99,10%	100,00 %	99,10%	100,00 %	Nuôi trồng thủy sản
---	-------------------------	-------------------	--------	----------	--------	----------	---------------------

(ii.1) Công ty cũng nắm giữ trực tiếp 28,57% vốn của Công ty Cổ phần Thực phẩm Khang An.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (CHƯA KIỂM TOÁN) (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2025 và cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc cùng ngày

(iii) Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Bến Tre

STT	Tên công ty con	Trụ sở chính	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ		Hoạt động chính
			Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết	
1	Công ty TNHH Thủy sản Công nghệ cao Aquatex Bentre	Vĩnh Long	100,00 %	100,00 %	100,00 %	100,00 %	Nuôi trồng thủy sản nội địa; nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực nông nghiệp và công nghệ khác

(iv) Công ty Cổ phần Thủy sản 584 Nha Trang

STT	Tên công ty con	Trụ sở chính	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ		Hoạt động chính
			Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết	
1	Công ty Cổ phần Thủy sản 584 Cà Ná	Khánh Hòa	99,87%	99,87%	99,87%	99,87%	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản

(v) Công ty Cổ phần Bibica

STT	Tên công ty con	Trụ sở chính	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ		Hoạt động chính
			Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết	
1	Công ty TNHH Một thành viên Bibica Miền Tây	Tây Ninh	100,00 %	100,00 %	100,00 %	100,00 %	Chế biến, bảo quản thực phẩm, sản xuất các loại bánh từ bột
2	Công ty TNHH Một thành viên Bibica Miền Đông	Thành phố Hồ Chí Minh	100,00 %	100,00 %	100,00 %	100,00 %	Sản xuất các sản phẩm đường, bánh, kẹo, nha, bột dinh dưỡng
3	Công ty TNHH Một thành viên Bibica Biên Hòa	Đồng Nai	100,00 %	100,00 %	100,00 %	100,00 %	Sản xuất các sản phẩm đường, bánh, kẹo, nha, bột dinh dưỡng
4	Công ty TNHH Một thành viên Bibica Hà Nội	Thành phố Hà Nội	100,00 %	100,00 %	100,00 %	100,00 %	Sản xuất các sản phẩm đường, bánh, kẹo, nha, bột dinh dưỡng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (CHƯA KIỂM TOÁN) (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2025 và cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc cùng ngày

STT	Tên công ty con	Trụ sở chính	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ		Hoạt động chính
			Tỷ lệ phần	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ phần	Tỷ lệ quyền biểu quyết	
5	Công ty TNHH Bibica Miền Bắc	Hưng Yên	Chưa góp vốn	Chưa góp vốn	Chưa góp vốn	Chưa góp vốn	Sản xuất các sản phẩm đường, bánh, kẹo, nha, bột dinh dưỡng
6	Công ty Cổ phần Phân phối Hàng tiêu dùng PAN (v.1)	Tây Ninh	99,90%	99,90%	100,00%	100,00%	Bán buôn thực phẩm

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được kiểm toán.

Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ hoạt động chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2024.

2 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG VÀ KỶ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Công ty cũng đồng thời lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Người sử dụng báo cáo tài chính nên đọc đồng thời báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2025 để có đầy đủ thông tin về hoạt động của Công ty.

Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này được lập cho kỳ hoạt động chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2025.

3 TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (CHƯA KIỂM TOÁN) (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2025 và cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc cùng ngày

3 TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn (không quá 3 tháng), có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các chứng khoán được Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập khi có bằng chứng giá thị trường của chứng khoán giảm xuống thấp hơn giá gốc theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công ty con

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con được trình bày trong Bảng cân đối kế toán riêng theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng tổn thất (nếu có). Dự phòng tổn thất của các khoản đầu tư được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (CHƯA KIỂM TOÁN) (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2025 và cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc cùng ngày

3 TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6-10
Thiết bị dụng cụ, quản lý	3-8
Khác	3-8

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa tiền thu thuần từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Thuê tài sản

Tất cả các khoản thuê của Công ty được xem là thuê hoạt động.

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ hoạt động.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty phân phối lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (CHƯA KIỂM TOÁN) (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2025 và cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc cùng ngày

3 TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Lãi và cổ tức

Lãi tiền gửi, cho vay

Lãi tiền gửi, cho vay được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi, cho vay và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính riêng và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (CHƯA KIỂM TOÁN) (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2025 và cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc cùng ngày

4 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	VND	
	Ngày 30 tháng 9 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Tiền mặt	95.793.000	148.793.000
Tiền gửi ngân hàng	446.663.001.142	17.670.960.726
Các khoản tương đương tiền	32.205.000.000	-
TỔNG CỘNG	478.963.794.142	17.819.753.726

5 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	VND	
	Ngày 30 tháng 9 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Chứng khoán kinh doanh	-	5.890.000.000.000
<i>Chứng chỉ tiền gửi</i>	-	5.890.000.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	6.000.000.000	38.205.000.000
TỔNG CỘNG	6.000.000.000	5.928.205.000.000

6 PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	VND	
	Ngày 30 tháng 9 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Bên thứ ba	12.963.889.900	17.740.807.833
TỔNG CỘNG	12.963.889.900	17.740.807.833
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(12.963.889.900)	(17.740.807.833)
GIÁ TRỊ THUẦN	-	-

7 PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	VND	
	Ngày 30 tháng 9 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Bên thứ ba	18.000.000.000	-
Cho vay bên liên quan (<i>Thuyết minh số 24</i>)	15.000.000.000	15.000.000.000
TỔNG CỘNG	33.000.000.000	15.000.000.000

8 CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	VND	
	Ngày 30 tháng 9 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Ngắn hạn		
Lãi dự thu	1.296.225.344	9.813.223.633
Ký quỹ	390.504.666	390.504.666
Tạm ứng nhân viên	650.840.132	691.305.524
	2.337.570.142	10.895.033.823
Dài hạn		
Ký quỹ	10.000.000	10.000.000
TỔNG CỘNG	2.347.570.142	10.905.033.823
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải thu khác từ các bên liên quan (Thuyết minh số 24)</i>	245.753.424	476.369.862
<i>Phải thu khác</i>	2.101.816.718	10.428.663.961

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (CHƯA KIỂM TOÁN) (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2025 và cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc cùng ngày

9 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN

	Ngày 31 tháng 12 năm 2024	Tăng trong kỳ	Kết chuyển vào chi phí SXKD trong kỳ	VND Ngày 30 tháng 9 năm 2025
Phí dịch vụ khác	622.484.071	546.045.433	(756.039.287)	412.490.217
TỔNG CỘNG	622.484.071	546.045.433	(756.039.287)	412.490.217

10 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Ngày 31 tháng 12 năm 2024	Tăng trong kỳ	Kết chuyển vào chi phí SXKD trong kỳ	Ngày 30 tháng 9 năm 2025
Công cụ, dụng cụ	193.756.516	8.463.234.332	(1.461.975.802)	7.195.015.046
Khác	305.546	-	(275.001)	30.545
TỔNG CỘNG	194.062.062	8.463.234.332	(1.462.250.803)	7.195.045.591

11 TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Khác	Ngày 30 tháng 9 năm 2025
Nguyên giá				
Ngày 31 tháng 12 năm 2024	12.510.830.182	639.892.358	192.390.500	13.343.113.040
Ngày 30 tháng 9 năm 2025	12.510.830.182	639.892.358	192.390.500	13.343.113.040
<i>Trong đó:</i>				
Đã khấu hao hết	-	465.805.358	192.390.500	658.195.858
Giá trị hao mòn				
Ngày 31 tháng 12 năm 2024	(3.298.427.039)	(568.602.430)	(187.090.956)	(4.054.120.425)
Khấu hao trong kỳ	(938.312.262)	(13.112.394)	(5.299.544)	(956.724.200)
Ngày 30 tháng 9 năm 2025	(4.236.739.301)	(581.714.824)	(192.390.500)	(5.010.844.625)
Giá trị còn lại				
Ngày 31 tháng 12 năm 2024	9.212.403.143	71.289.928	5.299.544	9.288.992.615
Ngày 30 tháng 9 năm 2025	8.274.090.881	58.177.534	-	8.332.268.415

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (CHƯA KIỂM TOÁN) (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2025 và cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc cùng ngày

12 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	VND	
	Ngày 30 tháng 9 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Đầu tư vào công ty con (Thuyết minh 12.1)	5.313.533.971.570	4.870.143.787.088
TỔNG CỘNG	5.313.533.971.570	4.870.143.787.088

12.1 Đầu tư vào công ty con

	Ngày 30 tháng 9 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Công ty Cổ phần Thực phẩm PAN	999.900.000.000	999.900.000.000
Công ty Cổ phần PAN Farm	1.712.103.327.306	1.268.713.142.824
Công ty Cổ phần Chế biến Hàng xuất khẩu Long An	166.227.626.000	166.227.626.000
Công ty Cổ phần Cà phê Golden Beans	60.200.000.000	60.200.000.000
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Bến Tre	232.298.227.704	232.298.227.704
Công Ty Cổ Phần Thủy sản 584 Nha Trang	145.154.674.945	145.154.674.945
Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta	671.414.451.072	671.414.451.072
Công ty Cổ phần Bibica	1.226.235.664.543	1.226.235.664.543
Công ty Cổ phần Thực phẩm Khang An	100.000.000.000	100.000.000.000
TỔNG CỘNG	5.313.533.971.570	4.870.143.787.088

Tình hình hoạt động của các công ty con trong kỳ như sau:

	Ngày 30 tháng 9 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Công ty Cổ phần Bibica	Hoạt động kinh doanh có lãi	Hoạt động kinh doanh có lãi
Công ty Cổ phần Thực phẩm PAN	Hoạt động kinh doanh có lãi	Hoạt động kinh doanh có lãi
Công ty Cổ phần PAN Farm	Hoạt động kinh doanh có lãi	Hoạt động kinh doanh có lãi
Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta	Hoạt động kinh doanh có lãi	Hoạt động kinh doanh có lãi
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Bến Tre	Hoạt động kinh doanh có lãi	Hoạt động kinh doanh có lãi
Công ty Cổ phần Chế biến Hàng xuất khẩu Long An	Hoạt động kinh doanh có lãi	Hoạt động kinh doanh có lãi
Công ty Cổ phần Thủy sản 584 Nha Trang	Hoạt động kinh doanh có lãi	Hoạt động kinh doanh có lãi
Công ty Cổ phần Thực phẩm Khang An	Hoạt động kinh doanh có lãi	Hoạt động kinh doanh có lãi
Công ty Cổ phần Cà phê Golden Beans	Hoạt động kinh doanh lỗ	Hoạt động kinh doanh có lãi

Các giao dịch chủ yếu giữa Công ty và các công ty con trong kỳ được trình bày tại Thuyết minh số 24.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (CHƯA KIỂM TOÁN) (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2025 và cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc cùng ngày

13 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	VND	
	Ngày 30 tháng 9 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Bên thứ ba	443.644.581	205.783.960
TỔNG CỘNG	443.644.581	205.783.960

14 CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	VND	
	Ngày 30 tháng 9 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Lãi vay	27.093.833.430	2.573.661.991
Chi phí hợp tác đầu tư	-	1.402.916.667
Chi phí khác	972.218.048	2.286.668.867
TỔNG CỘNG	28.066.051.478	6.263.247.525

15 CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	VND	
	Ngày 30 tháng 9 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Phải trả cổ tức	113.545.296	2.118.470.300
Lãi vay (Thuyết minh số 24)	120.989.062.814	111.913.721.169
Phải trả về hợp đồng hợp tác đầu tư	-	850.000.000.000
Khác	7.286.721.159	6.747.000.776
TỔNG CỘNG	128.389.329.269	970.779.192.245

16 VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	VND	
	Ngày 30 tháng 9 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Vay ngắn hạn		
Vay ngắn hạn ngân hàng	102.038.220.000	5.000.720.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	148.194.660.000	49.398.220.000
Vay bên liên quan (Thuyết minh số 24)	1.893.840.000.000	1.504.840.000.000
	2.144.072.880.000	6.554.958.220.000
Vay dài hạn		
Vay dài hạn ngân hàng	498.980.220.000	197.592.880.000
	498.980.220.000	197.592.880.000
TỔNG CỘNG	2.643.053.100.000	6.752.551.100.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (CHƯA KIỂM TOÁN) (tiếp theo)

vào ngày 30 tháng 9 năm 2025 và cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc cùng ngày

17 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Ngày 31 tháng 12 năm 2024	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	VND Ngày 30 tháng 9 năm 2025
Thuế Giá trị gia tăng	648.614	42.934.263	(43.582.877)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(3.239.036.052)	-	-	(3.239.036.052)
Thuế thu nhập cá nhân	377.763.049	6.336.216.795	(6.656.232.228)	57.747.616
Khác	10.438.037.398	1.636.593.962	(11.250.539.936)	824.091.424
TỔNG CỘNG	7.577.413.009	8.015.745.020	(17.950.355.041)	(2.357.197.012)
<i>Trong đó:</i>				
<i>Phải nộp</i>	10.816.449.061			881.839.040
<i>Trả trước</i>	3.239.036.052			3.239.036.052

18 VỐN CHỦ SỞ HỮU

18.1 Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn góp	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	LNST chưa phân phối	VND Tổng cộng
Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2024						
Ngày 31 tháng 12 năm 2023	2.162.945.800.000	904.770.143.351	(167.188.836.328)	11.513.798.268	220.655.941.529	3.132.696.846.820
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	94.646.657.393	94.646.657.393
Chia cổ tức trong kỳ	-	-	-	-	(104.447.375.000)	(104.447.375.000)
Thủ lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	-	-	(2.000.000.000)	(2.000.000.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(3.000.000.000)	(3.000.000.000)
Ngày 30 tháng 9 năm 2024	2.162.945.800.000	904.770.143.351	(167.188.836.328)	11.513.798.268	205.855.223.922	3.117.896.129.213
Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2025						
Ngày 31 tháng 12 năm 2024	2.162.945.800.000	904.770.143.351	(167.188.836.328)	11.513.798.268	165.415.946.400	3.077.456.851.691
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	41.429.875.017	41.429.875.017
Chia cổ tức	-	-	-	-	(104.447.375.000)	(104.447.375.000)
Thủ lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	-	-	(2.000.000.000)	(2.000.000.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(3.000.000.000)	(3.000.000.000)
Ngày 30 tháng 9 năm 2025	2.162.945.800.000	904.770.143.351	(167.188.836.328)	11.513.798.268	97.398.446.417	3.009.439.351.708

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (CHƯA KIỂM TOÁN) (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2025 và cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc cùng ngày

18 VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

18.2 Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

	VND	
	Ngày 30 tháng 9 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Vốn cổ phần đã phát hành		
Ngày 31 tháng 12 năm 2024	2.162.945.800.000	2.162.945.800.000
Giảm trong kỳ	-	-
TỔNG CỘNG	2.162.945.800.000	2.162.945.800.000
Cổ tức		
Cổ tức trả bằng tiền	104.447.375.000	104.447.375.000
Cổ tức đã công bố và chưa chi trả	113.545.296	2.087.475.300

18.3 Cổ phiếu

	Ngày 30 tháng 9 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
	Số cổ phần	Số cổ phần
Cổ phiếu đã được duyệt	216.294.580	216.294.580
Cổ phiếu đã phát hành		
Cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ		
- Cổ phiếu phổ thông	216.294.580	216.294.580
Cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)		
- Cổ phiếu phổ thông	(7.399.830)	(7.399.830)
Cổ phiếu đang lưu hành		
- Cổ phiếu phổ thông	208.894.750	208.894.750

19 DOANH THU TÀI CHÍNH

	VND	
	Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2025	Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2024
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	165.619.689.367	213.914.660.295
Cổ tức, lợi nhuận được chia	118.877.755.500	129.523.719.500
Lãi từ chuyển nhượng giấy tờ có giá	30.876.658.338	28.000.535.448
Thu nhập khác	1.277.239.296	-
TỔNG CỘNG	316.651.342.501	371.438.915.243

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (CHƯA KIỂM TOÁN) (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2025 và cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc cùng ngày

20 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2025</i>	<i>Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2024</i>
Chi phí lãi vay	222.786.550.590	251.895.915.289
(Hoàn nhập) dự phòng đầu tư tài chính	3.111.003.422	(5.022.691.838)
Lỗi chênh lệch tỷ giá	4.244.855.584	120.000.000
Khác	28.344.034.141	7.995.951.873
TỔNG CỘNG	<u>258.486.443.737</u>	<u>254.989.175.324</u>

21 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2025</i>	<i>Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2024</i>
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.394.488.715	11.373.292.122
Chi phí cho nhân viên	10.005.794.938	9.326.998.049
Chi phí khấu hao tài sản cố định (Thuyết minh (Hoàn nhập) trích lập chi phí dự phòng	956.724.200 (4.776.917.933)	978.926.805 -
Chi phí khác	155.274.517	125.899.405
TỔNG CỘNG	<u>16.735.364.437</u>	<u>21.805.116.381</u>

22 CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2025</i>	<i>Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2024</i>
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.394.488.715	11.373.292.122
Chi phí cho nhân viên	10.005.794.938	9.326.998.049
Chi phí khấu hao tài sản cố định (Thuyết minh (Hoàn nhập) trích lập chi phí dự phòng	956.724.200 (4.776.917.933)	978.926.805 -
Chi phí khác	155.274.517	125.899.405
TỔNG CỘNG	<u>16.735.364.437</u>	<u>21.805.116.381</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (CHƯA KIỂM TOÁN) (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2025 và cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc cùng ngày

23 THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế "TNDN") với mức thuế suất 20% lợi nhuận chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Dưới đây là đối chiếu lợi nhuận trước thuế và thu nhập chịu thuế:

	<i>Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2025</i>	<i>VND Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2024</i>
Lợi nhuận trước thuế	41.429.875.017	94.646.657.393
Điều chỉnh tăng lợi nhuận chịu thuế	44.124.536.749	2.022.543.036
Điều chỉnh giảm lợi nhuận chịu thuế	(118.877.755.500)	(129.523.719.500)
Thu nhập chịu thuế ước tính trong kỳ hiện hành	(33.323.343.734)	(32.854.519.071)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-
Thuế TNDN phải trả ước tính trong kỳ hiện hành	-	-
Thuế TNDN phải trả đầu năm	(3.239.036.052)	(3.239.036.052)
Thuế TNDN điều chỉnh trong kỳ	-	-
Thuế TNDN đã trả trong kỳ	-	-
Thuế TNDN trả trước cuối kỳ	(3.239.036.052)	(3.239.036.052)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (CHƯA KIỂM TOÁN) (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2025 và cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc cùng ngày

24 NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong kỳ:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần Pan Farm	Công ty con
Công ty Cổ phần Thực phẩm PAN	Công ty con
Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta	Công ty con
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Bến	Công ty con
Công ty Cổ phần Chế biến Hàng xuất khẩu Long	Công ty con
Công ty Cổ phần Thủy sản 584 Nha Trang	Công ty con
Công ty Cổ phần Cà phê Golden Beans	Công ty con
Công ty Cổ phần PAN-HULIC	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Khử trùng Việt Nam	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Giống cây trồng Miền Nam	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH Một thành viên Bibica Miền Tây	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH Phân phối Hàng tiêu dùng PAN	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Thực phẩm Khang An	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH Thương mại Coco Food Việt Nam	Công ty có liên quan tới lãnh đạo chủ chốt
Công ty Cổ phần Công nghệ Sinh học Huro	Công ty có cùng lãnh đạo chủ chốt
Công ty TNHH Tư vấn NDH	Công ty có cùng lãnh đạo chủ chốt
Công ty TNHH Bất động sản Sài Gòn Đan Linh	Công ty có cùng lãnh đạo chủ chốt
Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI	Cổ đông lớn, Công ty có cùng lãnh đạo chủ chốt
Ông Nguyễn Duy Hưng	Chủ tịch HĐQT
Bà Nguyễn Thị Trà My	Phó Chủ tịch HĐQT/Tổng Giám đốc
Bà Hà Thị Thanh Vân	Thành viên HĐQT/ Thành viên Ủy ban kiểm toán
Ông Phạm Viết Muôn	Thành viên HĐQT/ Trưởng ban Ủy ban kiểm toán
Bà Nguyễn Vũ Thùy Hương	Thành viên HĐQT/ Thành viên Ủy ban kiểm toán
Ông Nguyễn Duy Khánh	Thành viên HĐQT
Ông Bùi Xuân Tùng	Thành viên HĐQT

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (CHƯA KIỂM TOÁN) (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2025 và cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc cùng ngày

24 NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ này và kỳ trước bao gồm:

Bên liên quan	Nghiệp vụ	VND	
		Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2025	Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2024
Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI - Chi nhánh Hà Nội	Lãi tiền gửi	251.151.678	54.518.908
	Phí dịch vụ	1.353.227.011	7.719.544.677
	Lãi chuyển nhượng chứng chỉ tiền gửi	30.876.658.338	27.184.688.615
	Lỗ chuyển nhượng chứng chỉ tiền gửi	-	2.630.000
	Nhận chuyển nhượng chứng chỉ tiền gửi	3.379.913.988.766	17.962.609.732.736
	Chuyển nhượng chứng chỉ tiền gửi	8.910.147.921.351	13.892.435.305.061
Công ty Cổ phần Thực phẩm PAN	Hoàn gốc vay	350.000.000.000	227.000.000.000
	Gốc vay	6.073.200.000.000	892.840.000.000
	Chi phí lãi vay	83.815.118.690	29.569.749.046
	Trả lãi vay	58.859.741.150	8.247.315.068
Công ty Cổ phần Phân phối Hàng tiêu dùng PAN	Hoàn gốc vay	-	200.000.000.000
	Chi phí lãi vay	-	3.786.301.368
	Trả lãi vay	-	8.542.465.753
	Mua hàng hóa	1.897.889	-
Công ty Cổ phần Bibica	Cổ tức	-	27.651.993.000
Công ty Cổ phần Bibica Miền Tây	Gốc đi vay	660.000.000.000	200.000.000.000
	Hoàn gốc vay	420.000.000.000	100.000.000.000
	Chi phí lãi vay	11.632.876.714	8.076.164.381
	Trả lãi vay	7.328.219.179	10.293.013.697
	Phí dịch vụ	-	66.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (CHƯA KIỂM TOÁN) (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2025 và cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc cùng ngày

24 NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ này và kỳ trước bao gồm:

Bên liên quan	Nghiệp vụ	VND	
		Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2025	Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2024
Công ty Cổ phần PAN Farm	Gốc đi vay	528.500.000.000	769.000.000.000
	Hoàn gốc vay	493.500.000.000	311.624.657.534
	Chi phí lãi vay	16.241.384.380	22.786.202.404
	Trả lãi vay	15.375.102.739	16.310.548.057
Công ty Cổ phần Chế biến Hàng xuất khẩu Long An	Cổ tức	17.788.261.500	17.788.261.500
Công ty cổ phần thực phẩm Sao Ta	Cổ tức	49.369.356.000	49.369.356.000
Công ty cổ phần thực phẩm Khang An	Cổ tức	20.000.000.000	12.000.000.000
Công ty cổ phần thủy sản 584 Nha Trang	Cổ tức	4.702.051.000	4.702.051.000
Công ty cổ phần Cà phê Golden Beans	Mua hàng hóa	-	6.669.990
	Gốc cho vay	-	15.000.000.000
	Lãi cho vay	729.246.574	230.616.438
	Nhận lãi cho vay	959.863.012	-
Công ty cổ phần xuất nhập khẩu thủy sản Bến Tre	Cổ tức	27.018.087.000	18.012.058.000
Công ty Cổ phần Khử trùng Việt Nam	Gốc vay	350.000.000.000	-
	Hoàn gốc vay	-	100.000.000.000
	Chi phí lãi vay	13.939.726.029	18.412.302.344
	Trả lãi vay	10.454.794.521	28.221.069.469

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (CHƯA KIỂM TOÁN) (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2025 và cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc cùng ngày

24 NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ này và kỳ trước bao gồm:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Nghiệp vụ</i>	<i>VND</i>	
		<i>Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2025</i>	<i>Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2024</i>
Công ty Cổ Phần Công Nghệ Sinh Học Huro	Phí dịch vụ	-	16.200.000
Công ty Cổ phần Giống cây trồng miền Nam	Chi phí lãi vay	3.739.726.026	3.753.424.656
	Trả lãi vay	5.136.986.299	5.378.082.190
Công ty Cổ phần Tập đoàn giống cây trồng Việt Nam – Chi nhánh Ba Vì	Mua hàng hóa	-	720.000
Công ty Cổ phần PAN – Hulic	Mua hàng hóa	4.000.000	-
	Lãi vay	679.019.178	-
	Trả lãi vay	655.928.767	-
Công ty Cổ phần Atani Holding	Lãi vay	560.000.000	-
	Trả lãi vay	558.887.671	-
Công ty TNHH Tư vấn NDH	Phí dịch vụ	148.500.000	356.400.000
Công ty TNHH Thương mại Coco Food	Mua hàng hóa	794.034.848	2.141.063.682
Công ty TNHH BĐS Sài Gòn Đan Linh	Phí dịch vụ	-	96.641.466

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Nghiệp vụ</i>	<i>VND</i>	
		<i>Ngày 30 tháng 9 năm 2025</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2024</i>
Phải thu khác			
Công ty cổ phần Cà phê Golden	Lãi dự thu	245.753.424	476.369.862
		245.753.424	476.369.862

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (CHƯA KIỂM TOÁN) (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2025 và cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc cùng ngày

24 NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Nghiệp vụ	VND	
		Ngày 30 tháng 9 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Phải thu về cho vay ngắn hạn			
Công ty cổ phần Cà phê Golden Beans	Lãi dự thu	15.000.000.000	15.000.000.000
		15.000.000.000	15.000.000.000
Phải trả về vay ngắn hạn			
Công ty Cổ phần Thực phẩm PAN	Gốc vay	872.840.000.000	1.222.840.000.000
Công ty Cổ phần PAN Farm	Gốc vay	305.000.000.000	156.000.000.000
Công ty TNHH MTV BIBICA Miền Tây	Gốc vay	240.000.000.000	-
Công ty Cổ phần khử trùng Việt Nam	Gốc vay	350.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Giống cây trồng miền Nam	Gốc vay	100.000.000.000	100.000.000.000
Công ty Cổ phần ATANI Holding	Gốc vay	12.000.000.000	12.000.000.000
Công ty Cổ phần PAN - Hulic	Gốc vay	14.000.000.000	14.000.000.000
		1.893.840.000.000	1.504.840.000.000
Phải trả khác			
Công ty Cổ phần Thực phẩm PAN	Lãi vay	115.663.893.728	102.378.267.424
Công ty Cổ phần PAN Farm	Lãi vay	-	6.801.471.784
Công ty Cổ phần ATANI Holding	Lãi vay	-	166.558.904
Công ty Cổ phần Giống cây trồng miền Nam	Lãi vay	273.972.603	1.671.232.876
		115.937.866.331	111.017.530.988
Chi phí phải trả			
Công ty Cổ phần Thực phẩm PAN	Lãi vay	11.669.751.236	-
Công ty Cổ phần PAN Farm	Lãi vay	7.667.753.425	-
Công ty TNHH MTV BIBICA Miền Tây	Lãi vay	3.889.315.069	-
Công ty Cổ phần khử trùng Việt Nam	Lãi vay	3.484.931.508	-
Công ty Cổ phần ATANI Holding	Lãi vay	167.671.233	-
Công ty Cổ phần PAN - Hulic	Lãi vay	214.410.959	191.320.548
		27.093.833.430	191.320.548

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (CHƯA KIỂM TOÁN) (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2025 và cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc cùng ngày

24 NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc như sau:

			<i>VND</i>
	<i>Chức vụ</i>	<i>Quý 3/2025</i>	<i>Quý 3/2024</i>
Ông Nguyễn Duy Hưng	Chủ tịch HĐQT	60.000.000	60.000.000
Bà Nguyễn Thị Trà My	Phó Chủ tịch/	560.000.000	560.000.000
Bà Hà Thị Thanh Vân	Thành viên	45.000.000	45.000.000
Ông Phạm Viết Muốn	Thành viên	45.000.000	45.000.000
Bà Nguyễn Vũ Thùy Hương	Thành viên	45.000.000	45.000.000
Ông Nguyễn Duy Khánh	Thành viên	45.000.000	45.000.000
Ông Bùi Xuân Tùng	Thành viên	45.000.000	45.000.000
TỔNG CỘNG		845.000.000	845.000.000

25 LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Công ty không tính chỉ tiêu này trên Báo cáo tài chính riêng vì theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 "Lãi trên cổ phiếu", trường hợp Doanh nghiệp phải lập cả Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ phải trình bày thông tin về lãi trên cổ phiếu theo quy định của chuẩn mực này trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

26 CÁC CAM KẾT VÀ CÁC KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG

Cam kết thuê hoạt động

Công ty hiện đang thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày 30 tháng 9 năm 2025, các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

		<i>VND</i>
	<i>Ngày 30 tháng 9 năm 2025</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2024</i>
Dưới 1 năm	652.522.200	2.610.088.800
TỔNG CỘNG	652.522.200	2.610.088.800

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (CHƯA KIỂM TOÁN) (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2025 và cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc cùng ngày

27 SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỶ KẾ TOÁN

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

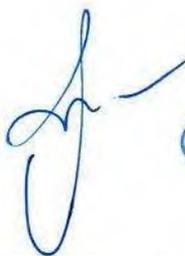
28 GIẢI TRÌNH BIẾN ĐỘNG KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG QUÝ 3/2025 SO VỚI QUÝ 3/2024

Theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về công bố thông tin định kỳ và giải trình số liệu của tổ chức niêm yết. Công ty giải trình biến động kết quả kinh doanh như sau:

Kết quả kinh doanh quý 3 năm 2025, Công ty ghi nhận lỗ trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ là 32 tỷ đồng (quý 3 năm 2024 lãi 39 tỷ đồng). Công ty hoạt động theo mô hình tập đoàn, tại Công ty mẹ phát sinh các khoản chi phí chủ yếu là các chi phí quản lý, chi phí lãi vay phục vụ nhu cầu vốn lưu động và chi phí tài chính khác. Nguồn thu nhập chính của Công ty mẹ là từ cổ tức được chia từ các công ty con và các khoản doanh thu tài chính khác. Quý 3 năm 2025 kế hoạch chi trả cổ tức của các công ty con thay đổi so với cùng kỳ 2024.



Trần Thị Trang
Người lập biểu



Văn Thị Ngọc Ánh
Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Trà My
Tổng Giám đốc

Ngày 24 tháng 10 năm 2025